

Số: 05/QĐ-HĐQT

Bình Dương, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế Quy chế công bố thông tin
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số: 36/NQ-HĐQT ngày 29/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, VP.HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
ĐỖ QUANG NGÔN



HĐQT-BBH-24110002

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
230, ĐẠI LỘ BÌNH DƯƠNG, P. PHÚ HÒA, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG
Điện thoại: 0274 3848789

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Bình Dương, ngày 29 tháng 11 năm 2024



HĐQT-BBH-24110002

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Tài liệu tham khảo.....	1
Điều 3. Chữ viết tắt	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty.....	4
Điều 6. Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin.....	5
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin.....	6
CHƯƠNG II.....	6
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
Điều 9. Quy trình công bố thông tin.....	6
CHƯƠNG III.....	9
NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	9
CHƯƠNG IV	30
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	30
Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện CBTT và các phòng ban liên quan	30
Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	30
Điều 12. Tổ chức thực hiện	30
Điều 13. Hiệu lực thi hành	31



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-HĐQT, ngày.... tháng .. năm 2024
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế Công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “**Quy chế**”) quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “**Công ty**”). Đồng thời quy định việc phối hợp giữa các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, minh bạch của các thông tin công bố

2. Đối tượng áp dụng thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này bao gồm:

- a. Người thực hiện công bố thông tin, người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty;
- b. Người nội bộ của công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- c. Các phòng, ban, đơn vị có liên quan;
- d. Cổ đông;
- e. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- f. Tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;



- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ngày 21 tháng 12 năm 2021;

- Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác và các quy định có liên quan của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Các dẫn chiếu văn bản pháp luật tại Quy chế này có nghĩa là bao gồm tất cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Chữ viết tắt

- Công ty: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS: Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán
- SGDCK TP.HCM/ HOSE: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- SGDCK HN/HNX: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- ECM: Hệ thống quản lý tài liệu điện tử thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- CBONDS: Chuyên trang thông tin Trái phiếu doanh nghiệp Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- VSDC: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN: Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- CBTT: Công bố thông tin
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BCTC: Báo cáo tài chính
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- Phòng HCNS: Phòng Hành Chánh Nhân Sự
- Phòng QLTC: Phòng Quản Lý Tài Chánh
- DSCĐ: Danh sách cổ đông



Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

2. Người nội bộ của Công ty là:

- a. Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT;
- b. Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
- c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty;
- d. Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng;
- e. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
- f. Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty.

3. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 7 Quy chế này.

4. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGCK TP.HCM hoặc ngày UBCKNN, SGCK TP.HCM, SGCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

5. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây (Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019):

- a. Công ty và người nội bộ của công ty đó;
- b. Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp;
- c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;



e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

a. Người nội bộ của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ;

b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng;

c. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành;

d. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty

1. Người thực hiện công bố thông tin là Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc một cá nhân được Người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền công bố thông tin.

2. Người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền bằng văn bản cho một (01) cá nhân (người được ủy quyền) thực hiện công bố thông tin của Công ty.

3. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức danh Phó Tổng giám đốc thì các thành viên còn lại của Ban điều hành của Công ty phải thực hiện bầu hoặc chỉ định một (01) người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

4. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDC trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

Điều 6. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật, việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện



thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu mười (10) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là năm (5) năm;

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là năm (5) năm.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
01	Công ty	Trang thông tin điện tử (website) của công ty chuyên mục về quan hệ cổ đông



02	Ủy ban chứng khoán nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước – Hệ thống IDS Pro.
03	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh – Hệ thống ECM
04	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
05	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
		Báo in, Báo điện tử, v.v...

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

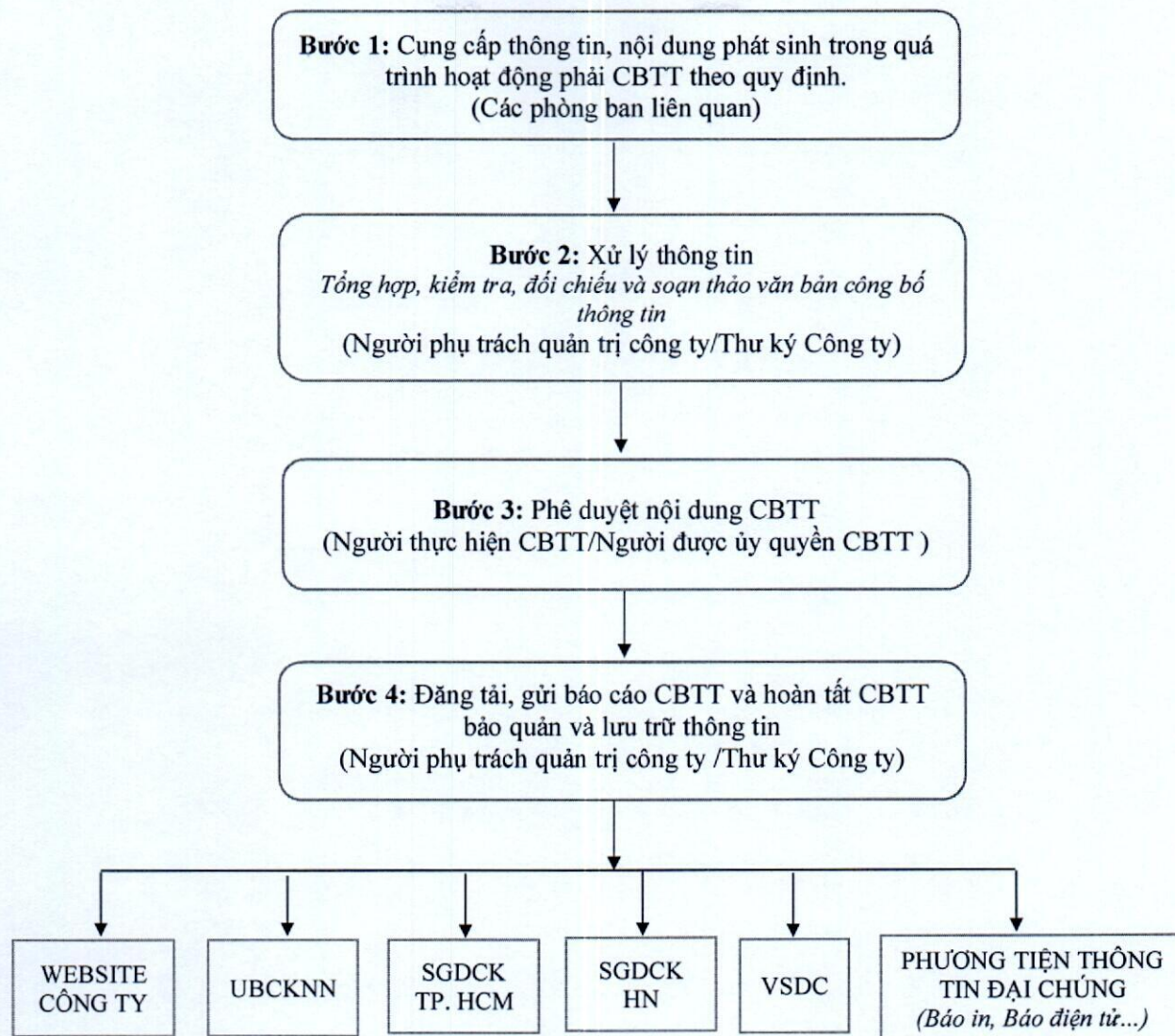
CHƯƠNG II

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Quy trình công bố thông tin

Áp dụng cho việc công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu





Bước 1. Cung cấp thông tin

- Khi phát sinh các thông tin, nội dung cần công bố thông tin theo quy định tại Chương III Quy chế này các phòng, ban liên quan thuộc Công ty phải kịp thời cung cấp thông tin đến Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký Công ty theo thời gian quy định cho từng loại thông tin công bố.

- Các phòng, ban liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu công bố thông tin cho UBCKNN, SGDCK TP.HCM, SGDCK HN, VSDC và phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

Bước 2. Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin cần công bố do các phòng ban có liên quan cung cấp, Người phụ trách quản trị công ty /Thư ký Công ty báo cáo Người thực hiện công bố thông tin và người được ủy quyền công bố thông tin và thực hiện: tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu và soạn thảo văn bản công bố thông tin



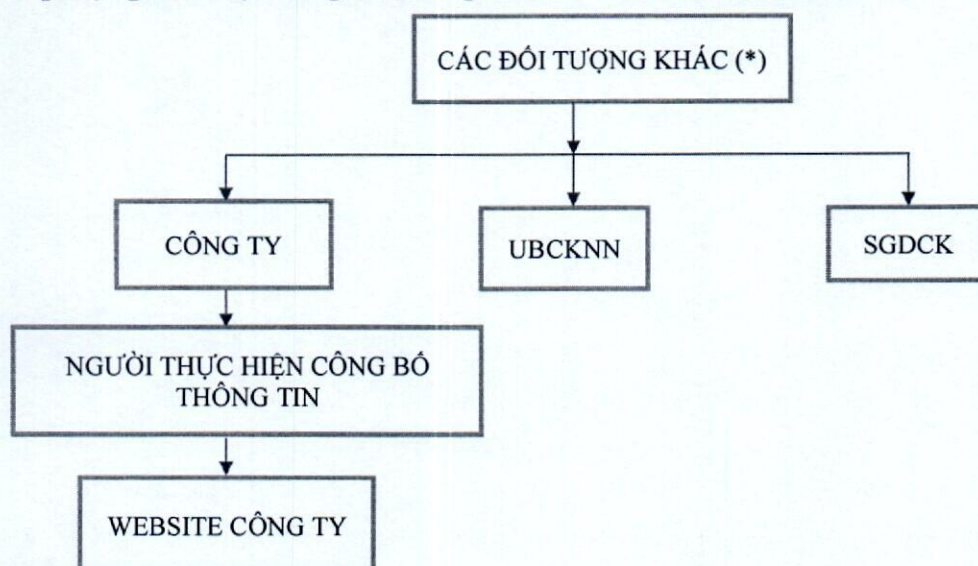
Bước 3. Phê duyệt nội dung thực hiện CBTT

Người phụ trách quản trị Công ty/Thư ký Công ty sau khi xem xét tính hợp lệ của thông tin công bố tiến hành trình Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt nội dung thực hiện công bố thông tin.

Bước 4. Đăng tải, gửi báo cáo CBTT và hoàn tất CBTT bảo quản và lưu trữ thông tin

- Người phụ trách quản trị công ty/ Thư ký công ty gửi nội dung CBTT đến UBCKNN, SGDC TP.HCM, SGDC HN, VSDC đăng tải nội dung CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng yêu cầu về nội dung và thời gian đối với từng loại CBTT định kỳ, bất thường và theo yêu cầu.
- Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định.

Áp dụng cho việc công bố thông tin của các đối tượng khác (*)



(*) Đối tượng khác gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và SGDC TPHCM. Người công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty

CHƯƠNG III

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	PHÒNG, BAN CUNG CẤP
-----	----------	---------------	---------------------



			THÔNG TIN
	I. Báo cáo tài chính		
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Phòng QLTC
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Phòng QLTC
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Phòng QLTC
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Phòng QLTC
	<i>Khi công bố thông tin BCTC tại mục 1, 2, 3, 4 nêu trên, Công ty phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</i> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	Công bố thông tin đồng thời với BCTC cần giải trình	



566
Y
N
TÁN
ÍT
BÌNH

	báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.		
	II. Báo cáo thường niên		
5	Báo cáo thường niên (Theo mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 96/2020/TT-BTC)	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty, Các phòng, ban công ty được phân công
	III. Báo cáo tình hình quản trị công ty		
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên (Theo mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo thông tư 96/2020/TT-BTC)	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty; Phòng Pháp chế; Phòng QLTC
7	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm (Theo mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo thông tư 96/2020/TT-BTC)	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty; Phòng Pháp chế, Phòng QLTC
8	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo Mẫu NY-02 - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu điện tử theo	<i>Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty đến Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh</i>	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty



	định dạng Excel		
	IV. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường		
9	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
10	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty/ Các phòng ban Công ty được phân công
11	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
	V. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản		
12	Công bố thông tin về việc lập DSCĐ có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
13	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty



14	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
	VI. Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ		
15	Báo cáo SGDCK TP.HCM DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 1 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/03 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28/02)</i>	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
16	Báo cáo SGDCK TP.HCM DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 2 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/06 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05)</i>	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty .
17	Báo cáo SGDCK TP.HCM DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 3 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/09 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08)</i>	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
18	Báo cáo SGDCK TP.HCM DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 4 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/12 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11)</i>	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
19	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC



0802
NG
PH
IÊN H
THU
ĐT-T

	lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.		
20	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng HCNS
21	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng HCNS
22	Bị đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng HCNS
23	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
24	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
25	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC



26	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
27	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
28	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng HCNS
29	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng HCNS
30	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
31	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC, Phòng KDPTDA
32	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
33	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC



	đồng).		
34	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
35	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
36	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
37	Công ty đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký mô hình công ty, loại BCTC công bố thông tin khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại BCTC (theo mẫu Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
38	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty



	có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;		
39	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:		
39.1	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; (Theo mẫu Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN)	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty; Phòng QLTC
39.2	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
39.3	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty



	để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.		
40	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ theo Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-GDVN ngày 21/12/2021. Đồng thời Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
41	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
42	Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan theo Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
43	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty



36-C
Y
N
A TÂN
IAT
T BÍ

	báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;		Phòng QLTC
44	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty; Phòng HCNS
45	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng HCNS
46	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
47	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng HCNS
48	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
49	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng KDPTDA



50	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
51	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty/ Phòng QLTC
52	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng QLTC
53	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty/ Phòng QLTC
54	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty/ Phòng QLTC
55	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:		
55.1	- Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty



55.2	- Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
56	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK TP.HCM đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
57		Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
58	Tổ chức niêm yết gửi cho SGDCK TP.HCM các tài liệu sau: a. Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 . b. Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
59	Về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn		Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty/ Phòng QLTC
59.1	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	
59.2	Chào bán chứng khoán ra công chúng	Trong vòng 7 ngày làm việc từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán	



		chứng khoán ra công chúng có hiệu lực Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	
59.3	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi (trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để chào mua công khai quy định tại Điều 53 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành	
59.4	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	
59.5	Phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành	
59.6	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành đến ít nhất 7 ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành	
59.7	Chào bán cổ phiếu ra nước ngoài	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	
59.8	Phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài và đăng	Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN cấp giấy	



	ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở sổ cổ phiếu đang lưu hành tại Việt Nam	chứng nhận đăng ký phát hành hoặc có văn bản chấp thuận Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành chứng chỉ lưu ký trên cơ sở sổ cổ phiếu mới phát hành	
59.9	Báo cáo về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành	Nêu huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 6 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán hoặc ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty báo cáo UBCKNN và CBTT trên website về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán theo mẫu trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Nếu thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, Công ty báo cáo UBCKNN và CBTT nội dung thay đổi theo mẫu trên website công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại ĐHĐCĐ gần nhất	



60	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này)	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCKVN	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
61	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính Công ty, bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty/ Phòng QLTC
62	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.		Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty
62.1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn. (Theo phụ lục VII Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	
62.2	Cổ đông lớn khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. (Theo phụ lục VII Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi.	
63	Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ		Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
63.1	Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03	



	có liên quan) phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, Sở GDCK TP.HCM (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở GDCK TP.HCM (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).	ngày làm việc.	
63.2	Người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	



05
G T
PH
NH
HU
QT-T

64	Công bố bản thông báo chào mua công khai, Bản CBTT chào mua công khai (trường hợp chào mua công khai thanh toán bằng tiền), Bản cáo bạch (trường hợp chào mua công khai bằng cổ phiếu phát hành)	Trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ tài liệu đăng ký chào mua công khai hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành (trường hợp chào mua công khai bằng cổ phiếu phát hành)	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
65	Thông báo cho UBCKNN, đồng thời CBTT về việc tiếp tục chào mua công khai	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng nhận đăng ký bán, hoán đổi, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp tiếp tục phải chào mua công khai theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
66	Công ty chào mua công khai gửi báo cáo kết quả giao dịch chào mua công khai và CBTT	Sau 05 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt chào mua	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
67	- Công ty là công ty mục tiêu thực hiện CBTT về việc chào mua công khai - HĐQT Công ty (nếu Công ty là công ty mục tiêu) thực hiện CBTT cho cổ đông về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
68	Khi chào mua công khai chứng khoán đăng niêm yết, Công ty phải thực hiện CBTT cho cổ đông về đánh giá, khuyến nghị đối với đề	Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBCKNN Công ty công bố công khai việc chào mua	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty



	ngợi chào mua công khai		
69	Công ty chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết CBTT việc điều chỉnh tăng giá chào mua công khai	Trong ít nhất 07 ngày trước khi kết thúc đợt chào mua	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
70	- Công ty thực hiện CBTT khi rút lại đề nghị chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết - Báo cáo UBCKNN - SGDCK TP.HCM	Trong vòng 24 giờ sau khi nhận được công văn chấp thuận hoặc không chấp thuận của UBCKNN	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
71	- Công ty chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết CBTT việc tiếp tục chào mua công khai - Gửi thông báo UBCKNN - Gửi thông tin công bố SGDCK TPHCM	Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
72	- Công ty chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết CBTT về kết quả chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết - Báo cáo UBCKNN và HOSE kết quả chào mua công khai - CBTT kết quả chào mua công khai trên website SGDCK TP.HCM	Trong 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
73	Chiến lược/định hướng/kế hoạch kinh doanh và các chương trình/chính sách có ảnh hưởng đến lợi ích của	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty và các bên liên	Phòng QLTC; Phòng KDPTDA



	các bên liên quan.	quan.	
74	Thông tin về các dự án/ hợp đồng/ khách hàng, đối tác/quan điểm về vấn đề liên quan đến thị trường, ngành, cổ phiếu, cổ đông, nhà đầu tư.	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty và các bên liên quan.	Phòng QLTC; Phòng KDPTDA
75	Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu theo mẫu Phụ lục I – Thông tư số 122/2020/TT-BTC.	Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho SGDCK	Phòng QLTC
76	CBTT về kết quả chào bán trái phiếu và CBTT định kỳ theo mẫu Phụ lục II – Thông tư số 122/2020/TT-BTC.	Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp CBTT về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung CBTT đến SGDCK	Phòng QLTC
77	CBTT định kỳ 6 tháng và hàng năm theo mẫu Phụ lục III – Thông tư số 122/2020/TT-BTC, bao gồm: - Báo cáo tài chính - Báo cáo tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu - Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái	Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính , doanh nghiệp thực hiện CBTT định kỳ 06 tháng. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính , doanh nghiệp	Phòng QLTC



	<i>phiếu</i> <i>- Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu</i>	thực hiện CBTĐ định kỳ hàng năm.	
78	Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	
79	Bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Phòng HCNS
80	Khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Phòng HCNS
81	Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Phòng QLTC
82	Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Phòng QLTC
83	Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Phòng QLTC
84	Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Phòng HCNS



	pháp luật theo quy định.		
85	CBTT về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền theo mẫu Phụ lục IV – Thông tư số 122/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung CBTT cho SGDCK	Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty
86	CBTT về việc mua lại trước hạn, trước đợt hoán đổi trái phiếu theo mẫu Phụ lục IV – Thông tư số 122/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung CBTT cho SGDCK.	Phòng QLTC

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người thực hiện CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCK TP.HCM, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người thực hiện CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung



Quy chế này. Các phòng chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người thực hiện CBTT.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người thực hiện CBTT trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.

4. Người thực hiện CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo cho HĐQT kết quả thực hiện.

Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Quy chế công bố thông tin được phổ biến đến các Phòng ban.

3. Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đồng thời bồi thường theo quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế công bố thông tin gồm 13 Điều, 04 Chương được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật thống nhất thông qua ngày tháng năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với nhu cầu thực tế liên quan công tác CBTT và/hoặc cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi hoặc bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan.

3. Ban Tổng giám đốc, các phòng ban thuộc Công ty và các cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG NGÔN

